

Kiên cố hóa trường lớp tại khu vực biên giới: Đánh giá tiến trình chính sách và giải pháp thực thi

School solidification in border areas: Evaluation of policy progress and implementation solutions

> TS NGUYỄN VĂN TRUNG^{1,*}, THS NGUYỄN THÁI SON², TS LÊ VĂN TUẤN¹

¹GV Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

²NCS Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

*Email: trungnv@huce.edu.vn

TÓM TẮT

Trong chiến lược phát triển bền vững và bảo vệ chủ quyền quốc gia, giáo dục tại khu vực biên giới đóng vai trò then chốt. Bài báo tập trung phân tích tiến trình thể chế hóa và hiện thực hóa hạ tầng giáo dục tại 248 xã biên giới đất liền Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2026. Thông qua phương pháp phân tích văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá thực tiễn đầu tư, nghiên cứu làm rõ ba giai đoạn chuyển dịch quan trọng: xác lập tư duy chiến lược, định lượng mục tiêu chuẩn hóa và triển khai đồng bộ trên thực địa. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc kiên cố hóa trường lớp không chỉ là hoạt động xây dựng cơ bản thuần túy mà còn là một quá trình quản trị siêu dự án phức hợp. Bài báo đề xuất hệ thống giải pháp về quản trị rủi ro đa chiều và mô hình hợp tác công - tư quy mô nhỏ, hướng tới mục tiêu đạt trình độ giáo dục tiên tiến trong khu vực vào năm 2030.

Từ khóa: Đầu tư xây dựng trường học; xã biên giới; kiên cố hóa trường lớp; chiến lược phát triển giáo dục; quản trị công; hợp tác công tư (PPP).

ABSTRACT

In the strategy for sustainable development and safeguarding national sovereignty, education in border areas is designated as a top priority. This paper focuses on analyzing the institutionalization and implementation processes of educational infrastructure across 248 land border communes in Vietnam during the 2013–2026 period. Through normative legal document analysis and investment practice evaluation, the study elucidates three critical transitional phases: from establishing strategic thinking to quantifying standardized objectives and ultimately to comprehensive on-site implementation. The findings indicate that school solidification is not merely a basic capital construction activity but a complex megaproject management process. This process requires the rigorous integration of sustainable design and breakthrough capital mobilization mechanisms. The paper proposes a system of solutions regarding multidimensional risk management and small-scale Public-Private Partnership models, driving toward the goal of achieving an advanced regional education standard by 2030.

Keywords: School construction investment; border communes; school solidification; educational development strategy; public administration; Public-Private Partnership (PPP).

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi quốc gia, giáo dục luôn được coi là động lực cốt lõi cho sự tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Đối với Việt Nam, vùng biên giới không chỉ là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh mà còn là "phên dậu" văn hóa của Tổ quốc. Việc đầu tư hạ tầng giáo dục tại 248 xã biên giới đất liền không đơn thuần là hoạt động xây dựng cơ bản, mà là công cụ then chốt để thực hiện công bằng xã hội, nâng cao dân trí và củng cố "thế trận lòng dân" nơi địa đầu phía Bắc, miền

Trung và Tây Nguyên. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định giáo dục là "quốc sách hàng đầu", trong đó việc kiên cố hóa trường lớp vùng biên là nhiệm vụ trọng tâm để rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền [1].

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong thập kỷ qua, thực trạng hạ tầng giáo dục vùng biên vẫn đối mặt với những thách thức nghiêm trọng. Trước khi các chủ trương mang tính đột phá gần đây được ban hành, tỷ lệ phòng học tạm, phòng học mượn tại các xã biên giới vẫn còn ở mức cao (chiếm gần 40%), gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học [10]. Sự ra đời của Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) đã đặt

nền móng cho sự đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục [1]. Tiếp đó, Kết luận số 91-KL/TW (2024) và Thông báo số 81-TB/TW (2025) đã tạo ra một bước ngoặt lớn, chuyển từ tư duy hỗ trợ dần trải sang đầu tư tập trung, định lượng mục tiêu 100% kiên cố hóa trường lớp vào năm 2030 [4], [8].

Vì vậy, bài báo thực hiện với mục tiêu: (1) Hệ thống hóa và phân tích sâu sắc tiến trình thể chế hóa đầu tư xây dựng (ĐT XD) trường học vùng biên qua các giai đoạn chiến lược; (2) Đánh giá mô hình thực thi tổng lực và hiện thực hóa công trình trên thực địa; và (3) Đề xuất các định hướng quản trị rủi ro và giải pháp huy động nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công. Nghiên cứu kỳ vọng sẽ mang lại đóng góp quan trọng về mặt thực tiễn cho các nhà quản lý dự án và hoạch định chính sách, cung cấp một cái nhìn toàn diện về cách thức vận hành "siêu dự án" hạ tầng giáo dục tại các vùng địa đầu Tổ quốc, hướng tới mục tiêu hiện đại hóa giáo dục Việt Nam vào năm 2030.

2. HÀNH TRÌNH TỪ CHIẾN LƯỢC ĐẾN HIỆN THỰC

2.1. Giai đoạn thiết lập tư duy chiến lược và tạo lập khung pháp lý (2013 - 2023)

Giai đoạn 2013 - 2023 được định nghĩa là thời kỳ kiến tạo "hệ điều hành" cho toàn bộ sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo. Sự ra đời của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 không chỉ là một văn kiện chính trị thông thường mà là một cuộc cách mạng về tư duy quản trị hệ thống. Nghị quyết này xác lập nguyên tắc cốt lõi: Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục, đồng thời khẳng định việc đảm bảo công bằng cơ hội tiếp cận giáo dục là một chỉ số đo lường sự phát triển bền vững của quốc gia [1].

Trong lý luận quản lý công, việc ưu tiên cho các xã biên giới, vùng đặc biệt khó khăn trong Nghị quyết 29-NQ/TW chính là sự áp dụng học thuyết "công bằng xã hội" vào phân bổ nguồn lực công, tạo ra "xương sống" pháp lý để các cơ quan quản lý ĐT XD bắt đầu thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư công trung hạn.

Về mặt quản lý xây dựng, đây là giai đoạn đặt nền móng cho việc chuẩn hóa cơ sở vật chất, xác định các mức tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu mà mỗi cơ sở giáo dục vùng biên phải đạt được, từ đó tạo tiền đề cho việc huy động các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia) và ngân sách địa phương.

Sau 5 năm thực hiện, sự chuyển dịch chính sách tiếp tục được củng cố bằng Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư. Văn bản này đóng vai trò "hiệu chỉnh chính sách" sau khi nhận diện những khoảng cách về hạ tầng giáo dục còn tồn tại giữa vùng biên giới và vùng đồng bằng. Kết luận 51-KL/TW đã đưa ra một mệnh lệnh hành chính mạnh mẽ: "tập trung giải quyết dứt điểm" tình trạng thiếu hụt phòng học, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới [3]. Sự thay đổi từ thuật ngữ "ưu tiên" sang "giải quyết dứt điểm" thể hiện bước tiến trong quản lý nhà nước, chuyển từ mô hình quản lý theo quy trình sang quản lý theo kết quả.

Những phân tích từ các văn kiện trên cho thấy một lộ trình pháp lý chặt chẽ và nhất quán, tạo ra các tác động thực tiễn rõ rệt tại các địa phương biên giới:

- Về quy hoạch đầu tư: Các địa phương đã bắt đầu tích hợp kế hoạch xây dựng trường học vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính liên kết giữa giáo dục với phát triển kinh tế và quốc phòng và an ninh.

- Về huy động nguồn lực: Giai đoạn này ghi nhận sự hình thành các mô hình hợp tác đa bên, nơi ngân sách nhà nước đóng vai trò "vốn môi", kết hợp với các chương trình như "Kiên cố hóa trường lớp học" và các nguồn xã hội hóa, giúp tỷ lệ trường chuẩn quốc gia tại nhiều tỉnh biên giới tăng trưởng mạnh mẽ, điển hình như tại Thanh Hóa đã đạt 83,89% vào cuối giai đoạn này.

- Về tiêu chuẩn kỹ thuật: Việc ban hành các Thông tư về tiêu chuẩn cơ sở vật chất (như Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT) trong giai đoạn này đã hiện thực hóa các yêu cầu về không gian học tập, phòng nội trú và các công trình phụ trợ, đảm bảo trường học vùng biên không chỉ là nơi dạy học mà còn là trung tâm văn hóa - chính trị của xã biên giới.

Sự ra đời của Nghị quyết số 29-NQ/TW đã thiết lập một hệ giá trị mới cho giáo dục vùng khó khăn [1]. Tuy nhiên, tính cấp bách của chính sách chỉ thực sự được làm nổi bật khi đặt vào bối cảnh hiện trạng hạ tầng tại 248 xã biên giới đất liền. Ví dụ, tại Thanh Hóa, sự chênh lệch hạ tầng giữa các huyện biên giới như Mường Lát, Quan Sơn với vùng đồng bằng là rất lớn, đòi hỏi Nghị quyết 44/NQ-CP và Kết luận 51-KL/TW phải đưa ra các mệnh lệnh hành chính mạnh mẽ nhằm "giải quyết dứt điểm" tình trạng này [2], [3].

Giai đoạn 2013 - 2023 đã tạo lập "hành lang pháp lý" và "tư duy chiến lược". Đây là bước chuẩn bị tất yếu và cần thiết để đưa công tác ĐT XD trường học vùng biên bước vào giai đoạn tăng tốc và hiện thực hóa thực địa một cách khoa học, bài bản trong những năm tiếp theo.

2.2. Giai đoạn tăng tốc, định lượng mục tiêu và chuẩn hóa cơ sở hạ tầng (2024 - đầu 2025)

Giai đoạn này chứng kiến sự chuyển mình từ mục tiêu định tính sang quản trị bằng chỉ số (KPIs). Kết luận số 91-KL/TW (12/8/2024) và Quyết định 1705/QĐ-TTg đã ấn định mục tiêu 100% kiên cố hóa trường lớp vào năm 2030 [4], [5]. Điểm cốt lõi của giai đoạn này là sự chuẩn hóa thiết kế gắn liền với thực địa khó khăn.

Phân tích nội hàm của Kết luận 91-KL/TW cho thấy một sự thay đổi về chất trong phương thức quản lý đầu tư công cho giáo dục. Văn bản này không chỉ nhắc lại Nghị quyết 29-NQ/TW mà còn xác lập một lộ trình khẩn trương hơn: cơ bản kiên cố hóa trường, lớp học vào năm 2030 và hướng tới mục tiêu giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến khu vực.

Giai đoạn này chứng kiến sự chuyển dịch từ mục tiêu định tính sang mô hình quản trị dựa trên chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs). Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 và Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 đã xác lập mục tiêu hoàn thành 100% kiên cố hóa trường lớp vào năm 2030 [4], [5]. Điểm cốt lõi của giai đoạn này là việc chuẩn hóa thiết kế gắn với điều kiện thực địa khó khăn.

Phân tích nội hàm của Kết luận số 91-KL/TW cho thấy sự chuyển biến căn bản trong phương thức quản lý đầu tư công đối với giáo dục. Văn bản này không chỉ kế thừa tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW mà còn xác lập một lộ trình rõ ràng và quyết liệt hơn: cơ bản hoàn thành kiên cố hóa trường, lớp học vào năm 2030, đồng thời hướng tới mục tiêu đưa nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Để hiện thực hóa quyết tâm chính trị đó, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1705/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030 [5]. Dưới góc nhìn chuyên ngành xây dựng, văn bản này là một "bản quy hoạch tổng thể" có tính chất định lượng cao, xác lập các chỉ số kỹ thuật (Key Performance Indicators - KPIs) khắt khe cho hạ tầng giáo dục vùng khó khăn:

- Chuẩn hóa tỷ lệ kiên cố hóa: Quyết định ấn định mục tiêu 100% phòng học kiên cố ở tất cả các cấp học, đặc biệt nhấn mạnh việc ưu tiên xóa bỏ hoàn toàn các điểm trường tranh tre nửa lá tại các xã biên giới. Việc định lượng hóa 100% là cơ sở để Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Bộ Tài chính thiết lập các gói vốn đặc thù.

- Tích hợp hạ tầng hiện đại: Quyết định 1705/QĐ-TTg lần đầu tiên đưa vào tiêu chuẩn bắt buộc về hạ tầng số và phòng chức năng thông minh cho các trường phổ thông. Điều này đòi hỏi quy trình ĐT XD tại biên giới phải thay đổi từ thiết kế truyền thống sang thiết kế tích hợp công nghệ (Smart School), phù hợp với mục tiêu hội nhập quốc tế.

Về mặt tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, việc áp dụng triệt để TCVN 8794:2021 trong giai đoạn này là yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng công trình [9]. Việc phân tích tiêu chuẩn này trong bối cảnh các xã biên giới cho thấy sự đề cao tính an toàn và bền vững trước các rủi ro thiên tai (lũ ống, lũ quét và sạt lở đất) là đặc thù của vùng cao. Quy chuẩn yêu cầu mật độ xây dựng không quá 40% và ưu tiên diện tích cho không gian xanh, bãi tập, nhà nội trú. Đây là những "định mức kỹ thuật" bắt buộc phải được tuân thủ trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS), giúp các dự án xây dựng trường học vùng biên thoát khỏi mô hình "nhà hộp" đơn điệu, chuyển sang mô hình "không gian giáo dục mở" và an toàn.

Việc áp dụng TCVN 8794:2021 không chỉ dừng lại ở các thông số diện tích mà còn phải giải quyết bài toán quản trị rủi ro xây dựng ngay từ bước lập dự án [9]. Đối với các công trình vùng biên, quản trị rủi ro tập trung vào ba trụ cột:

- Logistics và vận chuyển: Thiết lập các trạm trung chuyển vật liệu và tận dụng nguồn lực tại chỗ để ứng phó với cung đường vận chuyển hiểm trở.
- Địa chất và địa hình: Ưu tiên giải pháp móng thích ứng với địa hình dốc và nguy cơ sạt lở cao.
- Yếu tố an ninh: Phối hợp chặt chẽ với các đồn biên phòng để đảm bảo an ninh công trường và an toàn cho đội ngũ thi công tại khu vực nhạy cảm.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện của Nghị quyết 124/NQ-CP ngày 08/5/2025 đã đóng vai trò là công cụ điều tiết vốn, yêu cầu đảm bảo ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tối thiểu 20% tổng chi ngân sách [6]. Trong quản trị ĐTXD, việc duy trì tỷ lệ 20% này là "nguồn mạch" sống còn, đảm bảo các dự án kiên cố hóa trường lớp tại biên giới không rơi vào tình trạng đình hoãn do thiếu vốn. Cơ chế tài chính này gắn liền với các tiêu chuẩn chuẩn hóa cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, tạo nên một chu trình khép kín: từ chuẩn hóa thiết kế - đến định lượng mục tiêu - và bảo đảm nguồn lực tài chính.

Giai đoạn tăng tốc 2024 - đầu năm 2025 đã thành công trong việc cụ thể hóa các mục tiêu chính sách thành các chỉ tiêu quản lý và kỹ thuật. Sự chuyển dịch từ các định hướng mang tính khái quát sang hệ thống chỉ tiêu, tiêu chuẩn và tỷ lệ cụ thể đã tạo nền tảng quản trị rõ ràng và khả thi. Đây là tiền đề quan trọng để từ giữa năm 2025, các cơ quan chức năng có đủ cơ sở dữ liệu và hành lang pháp lý nhằm triển khai đồng bộ các dự án trên thực địa, đưa quá trình ĐTXD trường học vùng biên bước sang giai đoạn thực hiện quy mô lớn.

2.3. Giai đoạn thực thi tổng lực và hiện thực hóa công trình trên thực địa (giữa 2025 - 2026)

Giai đoạn từ giữa năm 2025 đến năm 2026 là điểm nút quyết định trong toàn bộ chu trình chính sách, đánh dấu sự chuyển hóa từ các nghị quyết trên giấy thành các thực thể kiến trúc hiện hữu trên thực địa. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp liên ngành cao độ, sự nhạy bén trong việc tháo gỡ các rào cản thể chế và năng lực tổ chức thi công trong những điều kiện địa lý, logistics khắc nghiệt nhất của đất nước. Đây là giai đoạn các văn bản hành chính như Nghị quyết 124/NQ-CP và Thông báo 81-TB/TW được hiện thực hóa bằng nguồn lực tổng hợp [6], [8].

Sự khởi đầu cho chiến dịch thực thi này được kích hoạt bởi Nghị quyết 124/NQ-CP ban hành ngày 08/5/2025. Dưới lăng kính quản lý dự án công, đây là một nghị quyết mang tính "giải phóng nguồn lực". Khi đối mặt với thất bại của ĐTXD tại vùng núi biên giới thường cao gấp 1,5 đến 2 lần so với vùng đồng bằng do chi phí vận chuyển vật liệu và san lấp mặt bằng, Nghị quyết 124/NQ-CP đã cung cấp một hành lang pháp lý linh hoạt, cho phép áp dụng các cơ chế quản lý đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt và giải ngân. Việc

Chính phủ cam kết duy trì tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục và điều tiết vốn kịp thời đã giúp các Ban quản lý dự án địa phương khắc phục được rủi ro "đứt gãy dòng tiền", một rào cản kinh điển trong các dự án hạ tầng vùng sâu, vùng xa [6].

Chuyển biến sâu sắc nhất về tư duy kiến tạo không gian giáo dục được thể hiện qua Tờ trình 973/TTr-BGDĐT ngày 15/7/2025. Tài liệu này không đơn thuần là một đề xuất xin cấp vốn, mà là một bản tái cấu trúc mô hình đầu tư hạ tầng. Thay vì đầu tư dàn trải, xé lẻ thành các điểm trường nhỏ không đủ tiêu chuẩn, Tờ trình 973/TTr-BGDĐT đã mạnh dạn đề xuất mô hình "trường phổ thông nội trú liên cấp". Phân tích dưới góc độ kinh tế học xây dựng, việc "liên cấp" tạo ra lợi thế kinh tế nhờ quy mô (Economies of scale). Các cấp học sẽ dùng chung hạ tầng phụ trợ đất đỏ như nhà đa năng, thư viện điện tử, nhà bếp và khu nội trú. Điều này vừa giải quyết được bài toán thiếu hụt quỹ đất bằng phẳng tại các xã biên giới, vừa tối ưu hóa được chi phí bảo trì và vận hành công trình trong vòng đời dự án (Life-cycle cost) [7].

Bộ phóng pháp lý cao nhất và có sức nặng chính trị tuyệt đối trong giai đoạn này là Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị. Văn kiện này đóng vai trò như một "lệnh tổng động viên" toàn hệ thống chính trị, phê chuẩn chủ trương đầu tư cho 248 xã biên giới đất liền. Từ khía cạnh quản trị rủi ro và huy động vốn, Thông báo 81 đã định hướng việc kết hợp nguồn vốn ngân sách Trung ương với mô hình Hợp tác công tư (PPP) quy mô nhỏ, đồng thời huy động sức mạnh của lực lượng quân đội (các đoàn kinh tế - Quốc phòng) tham gia vào quá trình san lấp, mở đường và vận chuyển vật tư. Đây là giải pháp quản trị logistics xuất sắc, khắc phục triệt để rào cản về cơ sở hạ tầng giao thông yếu kém tại khu vực phen dậu [8].

Một điểm mới mang tính đột phá trong giai đoạn này là việc cụ thể hóa cơ chế Hợp tác công tư (PPP) quy mô nhỏ để khả thi hóa việc huy động vốn:

- Nhà nước đầu tư "phần cứng" (xây lắp khối nhà chính, hạ tầng kỹ thuật).
- Doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia "phần mềm" và các hạng mục phụ trợ thông qua hình thức xây dựng - chuyển giao hoặc hỗ trợ trang thiết bị cho các "Studio công nghệ" và khu nội trú.
- Sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc không chỉ dừng lại ở lời kêu gọi, mà đóng vai trò là "trọng tài" giám sát việc phân bổ nguồn vốn xã hội hóa, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong đầu tư tại địa bàn khó khăn.

Giai đoạn thực thi 2025 - 2026 đã chứng minh rằng một chiến lược đúng đắn nếu được quản trị bằng những cơ chế linh hoạt, tư duy đầu tư khoa học và quyết tâm chính trị mạnh mẽ, hoàn toàn có thể biến những vùng đất khô cằn nơi biên giới thành những trung tâm sầm uất tri thức hiện đại. Những ngôi trường nội trú liên cấp không chỉ là các công trình giáo dục kiên cố, mà đã trở thành những "cột mốc chủ quyền dân trí", đóng vai trò cốt lõi trong chiến lược giữ dân, bám biên và bảo vệ vững chắc độc lập, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG NHẪM HIỆN THỰC HÓA CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

3.1. Thể chế hóa chính sách đặc thù và đột phá cơ chế huy động vốn

Việc đầu tư hạ tầng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa thường đối mặt với hiện tượng "thất bại của thị trường" do chi phí cơ hội lớn và lợi ích kinh tế thu về thấp. Điều này đòi hỏi sự can thiệp mạnh mẽ bằng các chính sách "phi đối xứng" từ Nhà nước. Để khắc phục, cần thiết lập một khung pháp lý ưu tiên cao nhất về đất đai và thuế; trong đó cho phép chuyển đổi linh hoạt mục

đích sử dụng đất sang đất giáo dục và tối ưu hóa các cơ sở vật chất công cộng dư thừa tinh giản biên chế. Bên cạnh vai trò "vốn môi" của ngân sách theo tinh thần Nghị quyết 124/NQ-CP [6], việc triển khai cơ chế Hợp tác công tư (PPP) quy mô nhỏ là giải pháp tất yếu. Theo đó, Nhà nước cần giới hạn trách nhiệm đầu tư ở "phần cứng", đồng thời mở ra cơ chế minh bạch nhằm thu hút khối tư nhân và các tổ chức xã hội tài trợ cho "phần mềm". Sự giám sát độc lập của Ủy ban Mật trận Tổ quốc sẽ là cơ sở pháp lý đảm bảo tính minh bạch, giúp dòng vốn xã hội hóa được phân bổ đúng mục tiêu.

3.2. Đổi mới tư duy thiết kế kiến trúc và chuẩn hóa không gian giáo dục

Việc xây dựng hạ tầng giáo dục tại vùng biên giới cần đoạn tuyệt với tư duy "xây cho có", thay vào đó phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn hiện đại nhằm đảm bảo tính bền vững vòng đời dự án. Cụ thể, việc áp dụng TCVN 8794:2021 [9] phải được cụ thể hóa bằng các tiêu chí: mật độ xây dựng không vượt quá 40% và đảm bảo định mức diện tích khu đất đạt 8-10 m²/học sinh. Để thích ứng với địa hình chia cắt mạnh và khí hậu khắc nghiệt, giải pháp kiến trúc "hợp khối liên hoàn" là lựa chọn tối ưu, giúp thu gọn mặt bằng, kết nối xuyên suốt các không gian học tập và sinh hoạt bán trú trong một tổ hợp an toàn. Hơn nữa, nhằm hiện thực hóa mục tiêu giáo dục đạt trình độ tiên tiến của khu vực theo Kết luận số 91-KL/TW [4], thiết kế dự án phải tích hợp các "Studio công nghệ" và phòng thí nghiệm tương tác, tạo nền tảng vật chất vững chắc cho công cuộc chuyển đổi số giáo dục ngay tại địa bàn phen dậu.

3.3. Phân cấp quản lý và nâng cao năng lực thực thi của chính quyền địa phương

Hiệu quả cuối cùng của việc hiện thực hóa dự án phụ thuộc phần lớn vào năng lực vận hành tại cơ sở. Việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền hai cấp (tỉnh, huyện) cần đi đôi với việc nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các Ban quản lý dự án chuyên ngành. Chính quyền các địa phương biên giới phải có trách nhiệm thể chế hóa các mục tiêu chiến lược thành "Chương trình hành động" có đo lường chỉ số KPIs, đưa nhiệm vụ xây dựng trường học thành khâu đột phá trong nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội định kỳ. Sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị địa phương chính là chìa khóa để tháo gỡ các nút thắt về đền bù, giải phóng mặt bằng và tối ưu hóa các nguồn lực tại chỗ.

4. KẾT LUẬN

Hành trình từ chiến lược đến hiện thực trong việc ĐTXD trường học tại các xã biên giới là minh chứng sống động cho quyết tâm chính trị và năng lực quản trị nhà nước hiện đại của Việt Nam. Qua quá trình nghiên cứu và phân tích sâu sắc các tầng nấc văn bản từ Trung ương đến địa phương, có thể rút ra các kết luận khoa học sau:

Thứ nhất, tiến trình kiên cố hóa trường lớp vùng biên giai đoạn 2013 - 2026 không phải là một chuỗi các hoạt động rời rạc mà là một lộ trình mang tính hệ thống, có sự kế thừa và phát triển chặt chẽ về mặt tư duy chính trị. Sự chuyển dịch từ mục tiêu định tính "ưu tiên" sang các chỉ số định lượng "100% kiên cố hóa" đã tạo ra xung lực mạnh mẽ cho toàn bộ hệ thống hành chính, buộc các địa phương phải thay đổi phương thức quản lý từ "dựa trên nguồn lực sẵn có" sang "quản trị theo mục tiêu chiến lược".

Thứ hai, việc đầu tư hạ tầng giáo dục tại địa bàn đặc thù như 248 xã biên giới đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong tư duy kỹ thuật và kinh tế xây dựng. Mô hình trường phổ thông nội trú liên cấp tích hợp không gian học tập thông minh, dựa trên giải pháp kiến trúc "hợp khối liên hoàn", chính là đáp án tối ưu cho bài toán về địa hình chia cắt và khí hậu cực đoan. Đồng thời, việc chuyển đổi từ cơ chế bao cấp hoàn toàn sang mô hình phối hợp đa bên thông qua cơ chế

PPP quy mô nhỏ đã mở ra hướng đi mới bền vững, giảm tải áp lực cho ngân sách nhà nước.

Thứ ba, sự kiện đồng loạt khởi công 148 ngôi trường vào tháng 3/2026 không chỉ mang ý nghĩa là những công trình vật chất mà còn là những "cột mốc chủ quyền dân trí". Mỗi ngôi trường được xây dựng kiên cố nơi biên thùy chính là một pháo đài văn hóa, góp phần giữ dân, bám biên và tạo nền tảng cho sự phát triển nhân lực tại chỗ - yếu tố cốt lõi để bảo vệ vững chắc độc lập và toàn vẹn lãnh thổ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hà Nội, 2013.
- [2] Chính phủ, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW. Hà Nội, 2014.
- [3] Ban Bí thư, Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hà Nội, 2019.
- [4] Bộ Chính trị, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội, 2024.
- [5] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội, 2024.
- [6] Chính phủ, Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 08/5/2025 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2025 liên quan đến tháo gỡ rào cản thể chế và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công tại các địa bàn trọng điểm. Hà Nội, 2025.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tờ trình số 973/TTr-BGDĐT ngày 15/7/2025 về chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống trường phổ thông nội trú liên cấp tại 248 xã biên giới đất liền. Hà Nội, 2025.
- [8] Ban Bí thư, Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 về kết luận chủ trương duy động nguồn lực tổng thể đầu tư xây dựng trường học vùng biên giới. Hà Nội, 2025.
- [9] Bộ Khoa học và Công nghệ, TCVN 8794:2021 - Trường trung học - Tiêu chuẩn thiết kế. Hà Nội, 2021. [Trực tuyến]. Available: <https://tieuchuan.vsqi.gov.vn/tcvn-8794-2021> (truy cập tháng 4/2026).
- [10] Nguyễn Thái Sơn, "Xây trường nội trú biên giới: Dồn lực thay đổi diện mạo giáo dục vùng khó", Báo cáo viên, 2026 (truy cập tháng 5/2026).